

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 156/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 143/2020/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 132/2020/HSST- QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Lưu Văn T, sinh ngày 23/02/1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 12/12; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Lưu Văn Th và bà Vũ Thị Đ; Vợ, con: chưa có; Quá trình hoạt động bản thân: Không; Tiền án, tiền sự: không; tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Công ty TNHH P; địa chỉ: Khu công nghiệp phường Khai Quang, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông H, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn M, trưởng phòng hành chính (vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Phố A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T là công nhân của Công ty TNHH P thuộc Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố V. Quá trình làm việc, T được giao làm quản lý xưởng Backend (hoàn thành). Ngày 28/5/2020, khi đang làm việc, T phát hiện trong xưởng có để một số hàng hóa là mắt camera dùng cho điện thoại Samsung A51 bị lỗi marking (chữ in trên sản phẩm bị mờ nhưng chỉ số kỹ thuật đã

hoàn thiện) nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số mắt camera trên, mục đích thay thế vào điện thoại cũ để bán kiếm lời. Ngày 30/5/2020, T làm ca đêm thời gian từ 20 giờ ngày 30/5/2020 đến 08 giờ ngày 31/5/2020. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/5/2020, lợi dụng giờ nghỉ giữa ca, công nhân đi ăn, T lấy 01 Ti nilon màu bạc, kích thước (25x30)cm đi đến vị trí giá để hàng 03 tầng, bằng kim loại, để ở góc bên trái của xưởng, gần khu vực máy sấy. Tại tầng 1 của giá để hàng này có khoảng 20 khay nhựa chuyên dùng, kích thước (25x30)cm, trong mỗi khay có 20 lỗ để các sản phẩm mắt camera, T quan sát vị trí này camera an ninh không soi đến, không có người trông giữ nên cầm từng khay hàng xóc lên để các mắt camera nảy bật lên bề mặt khay và trút vào Ti nilon. T lấy khoảng 18 đến 20 khay để mắt camera, tổng cộng là 388 mắt camera, nhãn hiệu GH96 – 13020A/A51 rồi để các khay vào vị trí ban đầu. Sau đó, T đút Ti nilon đựng mắt camera vào trong người được giữ cố định ở phần ngang bụng của bộ quần áo bảo hộ dài liền thân đang mặc đi vào phòng sạch để thay đồ. Trong lúc thay bộ quần áo bảo hộ dài liền thân, T làm rơi 4, 5 sản phẩm mắt camera ra sàn nhà nhưng nhanh chóng nhặt đút vào Ti nilon rồi đi vào phòng vệ sinh nam cất giấu. Tại đây, T nhấc Ti rác màu đen trong thùng đựng rác ra, rồi để Ti nilon đựng mắt camera vừa trộm cắp xuống đáy thùng, mục đích để tránh bị phát hiện và chờ cơ hội mang ra khỏi Công ty. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị A là công nhân vệ sinh của Công ty phát hiện số mắt camera do T trộm cắp cất giấu trong nhà vệ sinh nam nên đã báo cho Lãnh đạo của Công ty biết sự việc.

Ngày 01/6/2020, anh Phùng Văn M, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P có đơn trình báo và giao nộp 388 mắt camera, nhãn hiệu GH96 - 13020A/A51 và 01 USB trích xuất từ camera an ninh của Công ty để phục vụ điều tra.

Tại kết luận giám định số: 1781 ngày 21/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chụp được 11 ảnh diễn biến hành động của nam giới xuất hiện trên 06 tập tin video được lưu trữ trong USB gửi giám định (cụ thể: Mắt cam số 31 thời gian từ 00 giờ 30 phút 20 giây đến 00 giờ 35 phút 00 giây: 04 ảnh; Mắt cam số 28 thời gian xuất hiện từ 00 giờ 40 phút 57 giây: 02 ảnh; Mắt cam số 25 thời gian xuất hiện từ 00 giờ 40 phút 58 giây đến 00 giờ 41 phút 20 giây và từ 00 giờ 44 phút 38 giây đến 00 giờ 44 phút 47 giây: 05 ảnh). Toàn bộ ảnh chụp được in trong bản ảnh giám định, có nội dung như sau:

“1. Mắt camera số 31: Ảnh 1, 2: Xuất hiện 01 người mặc quần áo dài liền thân sáng màu, đeo khẩu trang, đầu đội mũ, đeo kính, xuất hiện vào lúc 00:30:20 (ký hiệu người A được khoanh đỏ) **Ảnh 3:** Người A cởi bộ quần áo dài bên ngoài, mũ, khẩu trang ra. **Ảnh 4:** Người A mặc áo ngắn tay sáng màu, quần dài tối màu, tay cầm theo 01 vật sáng màu. **2. Mắt camera số 28: Ảnh 5, 6:** Xuất hiện 01 người mặc áo ngắn tay sáng màu, quần dài tối màu, đeo kính, trên tay cầm theo vật sáng màu, không rõ đặc điểm đi qua cánh cửa (ký hiệu người B). **3. Mắt camera số 25: Ảnh 7, 8, 9:** Người B đi về hướng cánh cửa cuối phòng, tay cầm theo vật sáng màu. **Ảnh 10, 11:** Người B đi từ phía cánh cửa cuối phòng lại, trên tay cầm 01 vật màu đen”. Quá trình điều tra xác định hình ảnh ký hiệu “Người

A, Người B” trong bản ảnh là Lưu Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 31/5/2020.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 105 ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố V kết luận: 388 mắt camera loại GH96-13020 A/A51 trị giá 420.000đ x 388 = 162.960.000đ.

Tại Cáo trạng số: 154/CT- VKSNDTPVY ngày 14/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lưu Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người đại diện hợp pháp của Bị hại là ông Phùng Văn Minh và người làm chứng là chị Nguyễn Thị A vắng mặt tuy nhiên quá trình điều tra khai nhận như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Lưu Văn T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/5/2020, tại xưởng hoàn thành của Công ty TNHH P thuộc Khu công nghiệp Khai Quang, phường Khai Quang, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo Lưu Văn T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 388 mắt camera là sản phẩm thành phẩm (trị giá 162.960.000đ) của Công ty TNHH P.

Hành vi của bị cáo Lưu Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

c) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm bị cáo đã lập công chuộc tội, tố giác tội phạm, tích cực giúp Công an phường Khai Quang, thành phố V trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có ông bà là người có công với Nhà nước và được tặng thưởng nhiều Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do tài sản bị trộm cắp vẫn thuộc địa phận quản lý của Công ty TNHH P và bị cáo vẫn chưa thực hiện được tội phạm đến cùng nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 15 và khoản 1 Điều 57 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định nên cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo. Đây cũng là cơ hội cho bị cáo cải tạo, phấn đấu trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, bị cáo không nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về dân sự và xử lý vật chứng: Đối với 388 mắt camera là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH P, ngày 29/8/2020, Công an thành phố V đã trả lại cho Công ty. Sau khi Công ty TNHH P nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo

T phải bồi thường gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; khoản 1 Điều 57; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND TT S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Màu Văn Mùi